

NHÂN VẬT GIAO TIẾP

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nắm chắc khái niệm nhân vật giao tiếp với những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân sơ của họ đối với nhau, cùng những đặc điểm khác chi phối nội dung và hình thức lời nói của các nhân vật trong hoạt động giao tiếp.

– Nâng cao năng lực giao tiếp của bản thân và có thể xác định được chiến lược giao tiếp trong những ngữ cảnh giao tiếp nhất định.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

– Vấn đề nhân vật giao tiếp đã được đề cập đến trong một số bài học trước đây ở phần Tiếng Việt : bài *Hoạt động giao tiếp* (lớp 10), *Ngữ cảnh* (lớp 11) và một số bài trong chương trình Ngữ văn lớp 8, lớp 9.

Bài này chú trọng đến hai mối quan hệ quan trọng của nhân vật giao tiếp trong giao tiếp. Đó là vị thế của các nhân vật giao tiếp so với nhau (cao – thấp, trên – dưới hay ngang bằng,...) và quan hệ thân sơ của họ (xa lạ hay thân tình, gần gũi,...). Những đặc điểm về hai loại quan hệ này cùng với những đặc điểm khác như giới tính, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, vốn sống, nơi cư trú, cá tính,... luôn chi phối nội dung và hình thức lời nói của các nhân vật giao tiếp, đồng thời chi phối cả sự lựa chọn chiến lược giao tiếp của họ. Khi dạy học bài này cần liên hệ đến những kiến thức đã học về hoạt động giao tiếp để củng cố và nâng cao.

– Hoạt động giao tiếp, trong đó có nhân vật giao tiếp, là những vấn đề mà HS thường xuyên tham gia hoặc chứng kiến trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy, GV cần thông qua thực tiễn giao tiếp để hình thành kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho HS. Trong bài, nhiều ngữ liệu về hoạt động giao tiếp được đưa ra phân tích, tìm hiểu, luyện tập, từ đó rút ra nhận xét, kết luận và nâng cao kỹ năng.

2. Trọng tâm bài học

Những vấn đề cần chú trọng về nhân vật giao tiếp :

– Vai giao tiếp của các nhân vật trong hoạt động giao tiếp : vai nói, vai nghe và sự đổi vai hoặc luân phiên lượt lời.

– Vị thế của các nhân vật giao tiếp đối với nhau trong hoạt động giao tiếp ngôn ngữ : ngang bằng hay cách biệt (trên – dưới, cao – thấp khác nhau, xét theo tuổi tác, tầng lớp xã hội, vị trí trong xã hội, trong gia đình hay trong một tổ chức, một cộng đồng nào đó,...).

– Quan hệ thân sơ : trước và trong khi giao tiếp, quan hệ của các nhân vật giao tiếp là gần gũi, thân tình hay xa lạ, sự thay đổi của các mối quan hệ đó trong hoạt động giao tiếp.

– Trên cơ sở của những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm riêng của từng nhân vật giao tiếp mà các nhân vật lựa chọn chiến lược giao tiếp thích hợp. GV nên lưu ý HS thuật ngữ và khái niệm *chiến lược giao tiếp*. Từ *chiến lược* được dùng ở nhiều lĩnh vực khác như *chiến lược cách mạng, chiến lược quân sự, chiến lược giáo dục, chiến lược kinh tế...* với một nghĩa chung là *kế hoạch và các biện pháp tiến hành một việc hay công cuộc nào đó cho đạt được kết quả*. Sự lựa chọn chiến lược giao tiếp là sự lựa chọn và thực hiện theo từng bước một loạt những hành động nói hướng tới cùng một mục đích giao tiếp, bao gồm sự lựa chọn đề tài, nội dung, phương tiện ngôn ngữ, cách thức, trình tự nói hoặc viết,... Sự giao tiếp ở những ngữ cảnh càng gay gắt, về những nội dung càng phức tạp thì càng đòi hỏi người nói (viết) phải lựa chọn và thực hiện được một chiến lược giao tiếp tối ưu.

Từ những hiểu biết về các phương diện trên đây của nhân vật giao tiếp, mỗi cá nhân cần luyện tập để nâng cao năng lực giao tiếp trong từng ngữ cảnh cụ thể.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Tiến hành bài học theo hướng quy nạp : Từ các ngữ liệu về hoạt động giao tiếp của các nhân vật giao tiếp (và của bản thân mình trong giao tiếp ngôn ngữ hàng ngày) mà tìm hiểu, phân tích để hình thành kiến thức và nâng cao kĩ năng. GV cho HS phân tích các ngữ liệu trong bài theo hệ thống câu hỏi, rồi rút ra nhận định như ở phần *Ghi nhớ* trong SGK.

– Để củng cố và nâng cao kiến thức, kĩ năng, cần làm các bài tập thực hành ở phần *Luyện tập*. Có thể cho HS giải bài tập theo từng cá nhân, hoặc theo nhóm, theo tổ, cuối cùng GV chốt lại theo hướng dẫn giải bài tập dưới đây.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

TIẾT 1

Bước 1 : Phân tích ngữ liệu

• Phân tích ngữ liệu 1

– Cho HS đọc đoạn trích từ tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân. Yêu cầu đọc đúng và diễn cảm.

– Hướng dẫn HS lần lượt phân tích theo từng câu hỏi.

a) Các nhân vật giao tiếp là *hắn* (Tràng) và *thị* (một trong số các cô gái cùng lứa). Họ là những người trẻ tuổi, cùng lứa, cùng tầng lớp xã hội (những người lao động nghèo khó), tuy có khác nhau về giới tính (nam / nữ).

b) Các nhân vật giao tiếp thường xuyên chuyển đổi vai nói và vai nghe, nghĩa là có sự luân phiên lượt lời. Lượt lời đầu tiên của nhân vật *thị* có hai phần : phần đầu là nói với các bạn gái (*Có khối com trắng mấy giò đấy !*), phần sau là nói với *hắn* (*Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy ?*). Cô gái đã nhanh chóng và rất tự nhiên chuyển từ sự giao tiếp với các bạn gái sang sự giao tiếp với chàng trai. Điều đó là do họ cùng lứa tuổi, cùng trẻ trung, cùng tầng lớp lao động nghèo, mặc dù khác nhau về giới tính.

c) Các nhân vật giao tiếp trong đoạn trích đều ngang hàng, bình đẳng về lứa tuổi, về tầng lớp xã hội, về vị thế xã hội. Vì thế sự giao tiếp diễn ra tự nhiên, thoải mái : nhiều câu nói trống không (không có chủ ngữ, không có từ xưng hô) hoặc dùng từ xưng hô kiểu thân mật của khẩu ngữ (*đằng ấy, nhà tôi*), nhiều câu đùa nghịch thân mật, dí dỏm, dùng cả hình thức hò trong dân gian.

d) Lúc đầu quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp là xa lạ, không quen biết, nhưng họ đã nhanh chóng thiết lập được quan hệ thân mật, gần gũi, do cùng lứa tuổi, cùng tầng lớp xã hội (đều là lao động nghèo khó).

e) Những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân sơ, về lứa tuổi, về nghề nghiệp, về tầng lớp xã hội như trên đã chi phối lời nói (nội dung nói và cách nói) của các nhân vật. Họ cười đùa nhưng đều nói về chuyện làm ăn, về công việc và miếng cơm manh áo. Họ nói năng luôn có sự phối hợp với cử chỉ, điệu bộ (*cười như nắc nẻ, đẩy vai nhau, cong cớn, ton ton chạy, liếc mắt, cười tít,...*). Lời nói mang tính chất khẩu ngữ (*này, đấy, có khối, nhà tôi ơi, đằng ấy nhỉ,...*), nhiều kết cấu khẩu ngữ (*có... thì, đã... thì,...*), ít dùng từ xưng hô, thường nói trống không,...

• *Phân tích ngữ liệu 2*

– Cho HS đọc đoạn trích từ tác phẩm *Chí Phèo*. Yêu cầu đọc đúng và diễn cảm.

– Hướng dẫn HS lần lượt phân tích đoạn trích theo câu hỏi :

a) Trong đoạn trích có các nhân vật giao tiếp : bá Kiến, Chí Phèo, lí Cường, các bà vợ bá Kiến, dân làng. Hội thoại của bá Kiến với Chí Phèo và lí Cường chỉ có một người nghe, còn với các bà vợ và dân làng thì có nhiều người nghe.

b) Với tất cả những người nghe trong đoạn trích, vị thế của bá Kiến đều cao hơn. Trong gia đình, bá Kiến là chồng, cha ; đối với những người làng, trong đó có Chí Phèo, bá Kiến từng là lí trưởng, chánh tổng. Do đó, bá Kiến thường nói với giọng hống hách. Tuy nhiên, có khi lời bá Kiến không có lời hồi đáp, vì người ta sợ hoặc vì nể, không muốn can hệ đến sự việc.

c) Đối với Chí Phèo, bá Kiến có vị thế cao hơn. Nhưng trước cảnh Chí Phèo rạch mặt ăn vạ và đổ tội cho cha con bá Kiến, bá Kiến đã lựa chọn một chiến lược giao tiếp khôn ngoan, gồm nhiều bước : từ (1) đến (4). Bước đầu là *xua đuổi* các bà vợ và dân làng để tránh to chuyện, để cô lập Chí Phèo và dễ dàng dụ dỗ hấn, đồng thời để có thể giữ được thể diện với dân làng và các bà vợ. Sau đó *“hạ nhiệt”* cơn tức giận của Chí Phèo bằng những cử chỉ nhẹ nhàng, bằng từ xưng hô tôn trọng (*anh*), bằng giọng nói có vẻ bông đùa, vui nhộn (*Cái anh này nói mới hay ! ... Lại say rồi phải không ?*), bằng lời thăm hỏi tỏ vẻ quan tâm, với cách nói của những người bạn gần gũi (*Về bao giờ thế?... Đi vào nhà uống nước.*). Tiếp theo là hai lượt lời nhằm *nâng cao vị thế* của Chí Phèo (dùng ngôi gộp để xưng hô – *ta*, coi Chí Phèo là *người trong nhà* đối lập với *người ngoài*, coi Chí Phèo cũng là *người lớn, người có họ,...*). Cuối cùng là bước *giả vờ kết tội* lí Cường, có nghĩa là gián tiếp bênh vực Chí Phèo (người có lỗi để xảy ra sự việc là lí Cường, chứ không phải Chí Phèo).

d) Với chiến lược giao tiếp như trên, bá Kiến đã đạt được mục đích và hiệu quả giao tiếp (cụ bá *biết rằng mình đã thắng*). Chí Phèo đã thấy *lòng người người*, chấm dứt cuộc chửi bới, rạch mặt ăn vạ.

Bước 2: Ghi nhớ

Cho HS đọc phần *Ghi nhớ*, giải thích thêm những chi tiết cần thiết và yêu cầu HS nhập tâm nội dung chủ yếu.

TIẾT 2

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

GV hướng dẫn HS giải bài tập trong phần *Luyện tập*, qua đó kiểm tra kiến thức, kĩ năng và đánh giá khả năng tiếp thu bài của HS.

Bài tập 1

– Hai nhân vật giao tiếp trong đoạn trích là anh Mịch và ông lí. Hai người cùng làng, quen biết nhau, nhưng vị thế khác nhau : ông lí ở vị thế cao hơn (là chức sắc trong làng), còn anh Mịch ở vị thế thấp hơn (là hạng cùng đinh, nghèo khó).

– Lời ông lí là lời kẻ bề trên : hống hách, hăm dọa với thái độ *mặc kệ* (xung hô *mày – tao*, luôn *cau mặt, lắc đầu, giơ roi, dậm dọa*). Còn anh Mịch vì là kẻ bề dưới nên phải van xin, cầu cạnh, khúm núm.

Bài tập 2

Đoạn trích có năm nhân vật, nhưng mỗi người có vị thế, sở thích, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, quan niệm,... khác nhau. Cho nên trước cùng một sự kiện, mỗi người quan tâm đến một phương diện và thể hiện điều đó trong lời nói của mình. *Chú bé con* vốn hay để ý đến những cái gì ngộ nghĩnh thì thích thú với *cái mũ hai sừng trên chóp sọ, chị con gái* thường chuộng cái đẹp nên khen *cái áo dài đẹp, anh sinh viên* thường quan tâm đến hoạt động trí tuệ thì lại dự đoán về hoạt động *diễn thuyết, bác cu li xe* thì thấy *đôi bắp chân ngài bọc ủng* mà ngao ngán cho thân phận chạy xe với đôi chân trần của mình. Còn *nhà nho*, vốn thâm trầm sâu sắc và ác cảm với “Tây Dương” thì buông lời mỉa mai, chỉ trích bằng một thành ngữ “*rậm râu, sâu mắt*”.

Bài tập 3

a) Hai nhân vật quan hệ thân tình, gần gũi, tuy bà lão nhiều tuổi hơn (ở vị thế trên), nhưng quan hệ không cách biệt. Do đó, lời nói của họ mang rõ sắc thái thân mật. Chị Dậu xưng hô với bà cụ là *cụ – cháu*, còn bà lão không dùng từ xưng hô với chị Dậu, nhưng với anh Dậu thì cụ gọi là *bác trai*. Các từ ngữ gọi – đáp cũng thể hiện sự thân mật, nhưng kính trọng : *này, vâng, cảm ơn cụ*. Nội dung lời nói của bà cụ thể hiện sự quan tâm, đồng cảm, còn lời của chị Dậu thể hiện sự biết ơn và kính trọng.

b) Sự tương tác về hành động nói theo các lượt lời của bà lão lảng giềng và của chị Dậu : hỏi thăm – cảm ơn ; hỏi về sức khỏe – trả lời chi tiết ; mách bảo – nghe theo ; dự định – giục giã.

c) Lời nói và cách nói của hai nhân vật cho thấy đây là những người lảng giềng nghèo khổ nhưng luôn quan tâm, đồng cảm, sẵn sàng giúp đỡ nhau. Trong giao tiếp, ngôn ngữ của họ thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau và ứng xử lịch sự : có hỏi thăm, cảm ơn, khuyên nhủ, nghe lời,...

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Minh Toán, *Từ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1999.
2. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ dụng học*, tập 1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2003.